

Số: 1991 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận và công bố Khu dân cư (Áp) nông thôn mới, Khu dân cư (Áp) nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành tiêu chí xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành tiêu chí xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành tiêu chí xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 98/TTr-SNN ngày 12/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về trình tự, thủ tục công nhận và công bố Khu dân cư (Áp) nông thôn mới, Khu dân cư (Áp) nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu (gọi tắt là *ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu*) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững, xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới và đô thị văn minh tỉnh,

Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT.TU, TT.HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CT. UBNDTQ VN tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Phòng: TH, KT-NV;
- Lưu: VT.4.21.05.



Lữ Quang Ngời

QUY ĐỊNH**Về trình tự, thủ tục công nhận và công bố ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định trình tự, thủ tục công nhận và tổ chức công bố ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

- Các ấp trên địa bàn các xã, thị trấn trong toàn tỉnh.
- Các hộ gia đình có vườn trên địa bàn các xã, thị trấn trong toàn tỉnh.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục công nhận và tổ chức công bố ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thẩm định và xét công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn của Bộ tiêu chí quy định tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành tiêu chí xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành tiêu chí xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, tránh hình thức và chạy theo thành tích.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình xét, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

Điều 3. Đăng ký kế hoạch xây dựng ấp đạt chuẩn nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu

1. Trưởng ấp đăng ký xây dựng ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu về UBND xã, thị trấn trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. Trường hợp ấp chưa đăng ký công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu theo thời gian quy định nêu trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá. Văn bản đăng ký của Trưởng ấp thực hiện theo Mẫu 01 kèm theo Quy định này.

2. UBND xã, thị trấn chỉ đưa vào kế hoạch xây dựng ấp nông thôn mới khi ấp đã đạt ít nhất 8 tiêu chí trong Khung tiêu chí ấp nông thôn mới, đưa vào kế hoạch xây dựng ấp nông thôn mới kiểu mẫu khi ấp đã đạt ít nhất 08 tiêu chí trong Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu, đưa vào kế hoạch xây dựng vườn mẫu khi mô hình đạt ít nhất 03 tiêu chí tính đến thời điểm đăng ký, đồng thời ấp, vườn có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký của ấp), UBND xã, thị trấn tiến hành thẩm tra lại kết quả thực tế tại ấp đăng ký và trả lời bằng văn bản cho ấp về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; UBND xã, thị trấn có văn bản đăng ký, danh sách và biên bản thẩm định gửi Văn phòng Điều phối Nông thôn mới các huyện, thị xã đối với các ấp, vườn đủ điều kiện xây dựng ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; nêu rõ lý do đối với ấp, vườn chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

4. Trên cơ sở danh sách các ấp, vườn đăng ký công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu do UBND xã, thị trấn đề xuất, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã phối hợp với ban, ngành huyện, thị xã tổ chức đoàn thẩm tra đến các ấp đăng ký hoặc tổ chức cuộc họp để thống nhất các ấp, vườn đủ điều kiện đăng ký, báo cáo UBND huyện, thị xã xem xét, quyết định.

Điều 4. Phương pháp xác định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu

Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí xét, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên cơ sở quy định tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành tiêu chí xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành tiêu chí xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 5. Điều kiện công nhận

Ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu phải đảm bảo các điều kiện:

- Có văn bản đăng ký xây dựng ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và được Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đưa vào kế hoạch thực hiện.
- Có 100% tiêu chí đạt chuẩn theo quy định.

Điều 6. Thẩm quyền xét, công nhận và tổ chức công bố

1. Về công nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã quyết định công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

2. Về công bố:

- Thẩm quyền công bố: UBND xã, thị trấn tổ chức lễ công bố ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.
- Thời gian tổ chức công bố: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Quyết định

công nhận của Chủ tịch UBND huyện, thị xã có hiệu lực.

- Trách nhiệm hướng dẫn: UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức Lễ công bố.
- Hình thức tổ chức: Đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.
- Kinh phí tổ chức: Từ nguồn ngân sách xã và huy động các nguồn hợp pháp khác.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG NHẬN ẤP NÔNG THÔN MỚI, ẤP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, VƯỜN MẪU

Điều 7. Quy trình Công nhận Ấp nông thôn mới, Ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu

1. Trưởng ấp tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND xã, thị trấn.
2. UBND xã, thị trấn tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, trình hồ sơ về UBND huyện, thị xã.
3. UBND huyện, thị xã tổ chức thẩm định đối với ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; Chủ tịch UBND huyện, thị xã quyết định công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

Điều 8. Trình tự thủ tục tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu của Trưởng ấp

1. Tổ chức tự đánh giá

Trưởng ấp lập báo cáo và tổ chức đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí gửi UBND xã, thị trấn.
2. Tổ chức lấy ý kiến:
 - a) Trưởng ấp gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí để lấy ý kiến tham gia của nhân dân trong ấp, trong đó đảm bảo có từ 90% trở lên số hộ gia đình trong ấp được lấy ý kiến.
 - b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí được thông báo, công bố công khai tại nhà văn hóa ấp và trên hệ thống truyền thanh của ấp trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân.
 - c) Trưởng ấp bổ sung, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trên địa bàn xã, thị trấn.
3. Hoàn thiện hồ sơ
 - a) Trưởng ấp tổ chức họp dân thảo luận, biểu quyết đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND xã, thị trấn.

b) Hồ sơ Trưởng ấp trình UBND xã, thị trấn, gồm:

- Tờ trình của Trưởng ấp về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu (bản chính, theo Mẫu số 02);
- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí (bản chính, theo Mẫu số 03);
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của nhân dân trong ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí (bản chính, theo Mẫu số 04);
- Biên bản cuộc họp Trưởng ấp đề nghị xét, công nhận (bản chính, theo Mẫu số 05);

c) Nơi nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

Điều 9. Trình tự, thủ tục tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới, Ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu của UBND xã, thị trấn

Các quy định sau áp dụng cho cả 03 danh hiệu:

1. Tổ chức thẩm tra:

a) UBND xã, thị trấn tổ chức thẩm tra (gồm cán bộ phụ trách các tiêu chí) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp/vườn đủ điều kiện, cán bộ phụ trách nông thôn mới xã, thị trấn xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng ấp, vườn, báo cáo UBND huyện, thị xã.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của ấp, UBND xã, thị trấn trả lời bằng văn bản cho Trưởng ấp về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp, vườn; nêu rõ lý do ấp, vườn chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND xã, thị trấn tổng hợp danh sách các ấp, vườn đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận, công khai tại trụ sở UBND xã, thị trấn và công bố ít nhất 03 lần trên Đài Phát thanh xã, thị trấn để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn xã, thị trấn

b) UBND xã, thị trấn gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng ấp trên địa bàn xã, thị trấn để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã, thị trấn và các ấp trên địa bàn để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng ấp, vườn đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng ấp, vườn đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu của UBND xã, thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, thị trấn chủ trì, phối hợp Trưởng ấp tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn ấp đối với việc đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND xã, thị trấn tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận từng ấp, vườn đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên

số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của ấp được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình UBND huyện, thị xã.

b) Hồ sơ UBND xã, thị trấn trình UBND huyện, thị xã gồm:

- Tờ trình của UBND xã, thị trấn đề nghị thẩm định, xét, công nhận (bản chính, theo Mẫu số 06);
- Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận từng ấp, vườn (bản chính, theo Mẫu số 07);
- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã, thị trấn tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn cho từng ấp, vườn (bản chính, theo Mẫu số 08);
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận (bản chính, theo Mẫu số 09);
- Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, thị trấn về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn ấp đối với việc công nhận (bản chính);
- Bộ hồ sơ của Trưởng ấp nộp để thẩm tra.

c) Nơi nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, thị xã.

Điều 10. Trình tự, thủ tục tổ chức thẩm định, công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu của UBND huyện, thị xã

1. Tổ chức thẩm định

a) Các phòng, ban chuyên môn huyện, thị xã được giao phụ trách các tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu chủ trì tổ chức thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí đối với ấp nông thôn mới hoặc mời các Sở, ngành tỉnh liên quan cùng thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí đối với ấp nông thôn mới kiểu mẫu và mô hình sản xuất kiểu mẫu; sau đó có văn bản báo cáo kết quả thẩm định đối với các tiêu chí, chỉ tiêu phụ trách và gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã và UBND xã, thị trấn. Trên cơ sở văn bản của các phòng, ban huyện, thị xã đánh giá, xác nhận mức độ đạt các tiêu chí được giao phụ trách, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu cho từng ấp của từng xã, thị trấn trình UBND huyện, thị xã xem xét.

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của xã, thị trấn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã trình UBND huyện, thị xã báo cáo thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí của ấp, vườn đề nghị xét, công nhận. Trên cơ sở báo cáo thẩm định, UBND huyện, thị xã trả lời bằng văn bản cho UBND xã, thị trấn, Trưởng ấp về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp, vườn trên địa bàn từng xã, thị trấn; nêu rõ lý do ấp, vườn chưa được xét, công nhận đạt chuẩn ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

2. Tổ chức xét, công nhận

a) Hội đồng thẩm định huyện, thị xã tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận cho từng ấp, vườn đủ điều kiện (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở

lên số thành viên có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Ban Chỉ đạo huyện, thị xã dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND huyện, thị xã xem xét, quyết định.

b) Chủ tịch UBND huyện, thị xã quyết định công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn huyện, thị xã theo đề xuất của Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã.

c) Bằng công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện theo Mẫu số 10.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng, kinh phí

1. Hàng năm, Chủ tịch UBND huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, thị trấn xem xét, quyết định khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật trong phong trào xây dựng Ấp nông thôn mới, Ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu theo thẩm quyền và đúng quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận Ấp nông thôn mới, Ấp nông thôn mới kiểu mẫu và Mô hình sản xuất kiểu mẫu (bao gồm: họp, kiểm tra, đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân,...) do ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, thị xã chỉ đạo, hướng dẫn các ấp thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu theo quy định này.

- Tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh kết quả xây dựng ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu trên địa bàn.

2. Các Sở, ngành tỉnh phụ trách các tiêu chí: Hướng dẫn các phòng, ban chuyên môn huyện, thị xã đối với mức độ đạt các tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu.

3. Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, thị xã: Chỉ đạo toàn diện việc thực hiện ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu trên địa bàn; phân công các thành viên trong Ban Chỉ đạo phụ trách các ấp trên địa bàn huyện, thị xã để hỗ trợ và tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu trên địa bàn.

4. UBND huyện, thị xã: Phân công các phòng, ban chuyên môn phụ trách tiêu

chỉ phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã hướng dẫn và tổ chức thẩm định mức độ đạt tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; định kỳ hàng năm báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh về công tác triển khai thực hiện ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu trên địa bàn. Chủ tịch UBND huyện, thị xã quyết định công nhận, công bố ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định đó.

5. Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã: Tiếp nhận hồ sơ đăng ký từ các xã, thị trấn và phối hợp với các phòng, ban huyện, thị xã có liên quan tổ chức thẩm định và hoàn thiện thủ tục, hồ sơ xét, công nhận ấp, vườn đạt chuẩn ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu, trình UBND huyện, thị xã xem xét, quyết định công nhận.

6. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn: Tiếp nhận hồ sơ đăng ký của các ấp và thẩm tra mức độ đạt chuẩn tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu của các ấp, vườn đăng ký trên địa bàn, trình UBND huyện, thị xã xem xét.

7. Trưởng ấp: Chủ động trong việc thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và đăng ký với UBND xã, thị trấn khi đạt đủ điều kiện; tổ chức tự đánh giá kết quả đạt bộ tiêu chí ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu, hoàn chỉnh hồ sơ gửi UBND xã, thị trấn theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia phản biện, góp ý kết quả xây dựng ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu trên địa bàn; hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến của người dân đối với việc đề nghị công nhận ấp nông thôn mới, ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các địa phương kiến nghị về Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh để nghiên cứu, xem xét, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN.....
ẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....
*V/v đăng ký Ấp nông thôn mới/Ấp
 nông thôn mới kiểu mẫu/ vườn mẫu
 năm.....*

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: UBND xã/thị trấn....., huyện/thị xã.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện/thị xã, xã/thị trấn);

Tính đến tháng năm....., ấp/vườn có số tiêu chí đạt chuẩn theo quy định là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt% (*đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 20.... của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố Ấp nông thôn mới, Ấp nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu*) và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu trong năm.....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, Trưởng ấp....., xã/thị trấn....., huyện/thị xã..... đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí theo quy định trong năm để được công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã/thị trấn....., huyện/thị xã..... xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

TRƯỞNG ẤP
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN.....
ẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr

....., ngày tháng năm.....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới
 kiểu mẫu/vườn mẫu năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/thị trấn....., huyện/thị xã

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện/thị xã, xã/thị trấn);

Căn cứ Báo cáo số/BC ngày .../.../20.. của Trưởng ấp..... về kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của Trưởng ấp đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn.....

Trưởng ấp kính trình UBND xã/thị trấn thẩm tra, đề nghị xét công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn năm.... (bản chính).
2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến tham gia của nhân dân trong ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm..... (bản chính).
3. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn năm.... (bản chính).

Kính đề nghị UBND xã/thị trấn huyện/thị xã xem xét, thẩm tra./.

TRƯỞNG ẤP
 (Ký tên, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu:....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN.....
ẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn năm

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của ấp
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện/thị xã, xã/thị trấn.

III. Kết quả chỉ đạo xây dựng Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

1. Công tác tuyên truyền

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

4. Kết quả huy động nguồn lực

Tổng kinh phí đã thực hiện:triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ươngtriệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách tỉnhtriệu đồng, chiếm..... %;
- Ngân sách huyệntriệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách xãtriệu đồng, chiếm%;
- Vốn vay tín dụngtriệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệptriệu đồng, chiếm%;
- Nhân dân đóng góptriệu đồng, chiếm%.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

Tổng số tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... do ấp tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn theo quy định là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt%, cụ thể

1. Tiêu chí số về

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí% (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí% (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Nơi nhận:

- UBND xã/thị trấn;
-;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG ÁP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ẤP NÔNG THÔN MỚI/ẤP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU/VƯỜN MẪU ĐỐI VỚI ẤP/VƯỜN..... NĂM....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC ngày / /20..... của Trưởng ấp.....)

Tùy theo đề nghị xét công nhận Ấp nông thôn mới, Ấp nông thôn mới kiểu mẫu hoặc vườn mẫu mà bảng tổng hợp thể hiện tại mục I, II hoặc III

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu NTM	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
I. KHUNG TIÊU CHÍ ẤP NÔNG THÔN MỚI					
1	Quy hoạch	1.1. Tổ chức triển khai và quản lý vận động nhân dân thực hiện xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt	Đạt		
		1.2. Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Đường liên ấp đạt từ cấp B trở lên ($B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$, $B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa.	70%		
		b) Tỷ lệ đường liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng	$\geq 90\%$		
		c) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.2. Đường liên xóm, đường trục thôn, xóm đạt từ cấp đường C trở lên ($B_{\text{nền}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{mặt}} \geq 2\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa	80%		
		b) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.3. Đường ngõ xóm. Trong đó:	Đạt		
		a) Có 100% đường ngõ, xóm sạch, không lầy lội, giao thông thuận tiện đảm bảo đi lại vào mùa mưa	Đạt		
		b) Tỷ lệ km đường ngõ xóm được cứng hóa.	$\geq 80\%$		

		2.4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng và vận động nhân dân tham gia bảo dưỡng các công trình giao thông trong ấp đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông	Đạt		
3	Cơ sở vật chất văn hóa	3.1. Nhà văn hóa			
		a) Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa trong khuôn viên Nhà văn hóa ấp tối thiểu là 25% (phần diện tích đất trống của khuôn viên Nhà văn hóa ấp (hoặc liên ấp) sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác). Có đèn chiếu sáng sân tập Thể dục, thể thao	Đạt		
		b) Có hàng rào (khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh).	Đạt		
		c) Các công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (như: nhà vệ sinh, nước sinh hoạt,...).	Đạt		
		d) Thu hút người dân tham gia các hoạt động thường xuyên tại Nhà văn hóa ấp	25% dân số		
		đ) Hệ thống loa truyền thanh của khu dân cư đảm bảo chuyển tải được thông tin hàng ngày đến các hộ gia đình trong Khu dân cư (ấp).	Có		
		3.2. Khu thể thao			
		a) Có dụng cụ thể dục, thể thao phù hợp với phong trào thể dục, thể thao quần chúng ở địa phương	Đạt		
		b) Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.	$\geq 30\%$ dân số		
4	Nhà ở dân cư	4.1. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo không còn khó khăn về nhà ở	Hộ nghèo 100% Cận nghèo $\geq 80\%$		
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn quy định	$\geq 80\%$		
5	Phát triển sản xuất nâng cao thu	5.1. Tỷ lệ hộ có ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm hoặc sản xuất theo hướng an toàn và thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất.	Đạt		

	nhập và giảm nghèo	a) Tỷ lệ hộ có ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm hoặc sản xuất theo hướng hữu cơ	$\geq 30\%$		
		b) Tỷ lệ hộ thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất	$\geq 70\%$		
		5.2. Thu nhập bình quân đầu người tối thiểu phải bằng mức thu nhập bình quân chung của xã/thị trấn và không được thấp hơn mức chuẩn thu nhập để xét “xã đạt chuẩn nông thôn mới” của tỉnh năm đó.	Đạt (Tối thiểu phải bằng mức thu nhập bình quân chung của xã/thị trấn và không được thấp hơn mức chuẩn thu nhập để xét “xã đạt chuẩn nông thôn mới” của tỉnh năm đó)		
		5.3. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội hoặc thiên tai do tại nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo theo quy định)	$\leq 4\%$		
6	Giáo dục và đào tạo	6.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 THCS đạt tỷ lệ 100%.	100%		
		6.2. Không có học sinh vi phạm pháp luật.	Đạt		
		6.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$\geq 65\%$		
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế	$\geq 90\%$		
		7.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 20,5\%$		

8	Văn hóa	8.1. Ấp được công nhận và giữ vững danh hiệu “Ấp Văn hóa” liên tục 3 năm trở lên.	Đạt (liên tục 3 năm trở lên)		
		8.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình Văn hóa	$\geq 90\%$		
		8.3. Tỷ lệ người dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương; hộ gia đình thực hiện tốt Quy ước của Khu dân cư (ấp) về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	100%		
		8.4. Người dân ứng xử văn minh lịch sự; giữ gìn đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, không bán hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	Đạt		
		8.5. Không có trường hợp hộ gia đình có người khuyết tật (dạng tâm thần) không thực hiện trách nhiệm bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật (dạng tâm thần) theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 8, chương I, Luật Người khuyết tật.	Đạt		
9	Môi trường	9.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt chuẩn theo quy định	95% ($\geq 65\%$ nước sạch)		
		9.2. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng bao bì thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trên địa bàn quy định theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016	Đạt		
		9.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt theo chỉ tiêu “Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt nông thôn” trong chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội hàng năm do UBND tỉnh giao”.	Đạt		
		9.4. Tỷ lệ số tuyến đường Khu dân cư (ấp) có rãnh thoát nước và trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	$\geq 60\%$		

		9.5. Có mô hình tự quản, bảo vệ môi trường (<i>hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng sáng, xanh, sạch, đẹp; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường</i>) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, có sự tham gia của người dân.	Đạt		
		9.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 70\%$		
		9.7. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi, trồng, thủy sản trên địa bàn (thực hiện xử lý rác thải, nước thải, khí thải; thu gom chất thải rắn) đạt tiêu chuẩn	100%		
10	Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội	10.1. Ban công tác Mặt trận và Các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội ở Khu dân cư (ấp) cuối năm được đánh giá hoạt động từ vững mạnh (tốt) trở lên.	Đạt		
		10.2. Chi bộ Khu dân cư (ấp) đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		
		10.3. Khu dân cư được công nhận đạt chuẩn “An toàn về ANTT” theo quy định.	Đạt		
		10.4. Có mô hình tự quản về an ninh, trật tự và hoạt động có hiệu quả.	Đạt		
11	Tham gia thực hiện các Quy ước và chấp hành các quy định của Khu dân cư (ấp)	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ gia đình bị thiên tai, người có hoàn cảnh khó khăn	100%		
		11.2. Người dân được tham gia góp ý kiến với những hành vi tham nhũng, lãng phí của cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt công tác hoà giải và đóng góp ý kiến đối với những vấn đề chung trong xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu hoặc các vấn đề khác có liên quan. Những kiến nghị, phản ánh của nhân dân được giải quyết kịp thời	Đạt		

		11.3. Đóng nộp các khoản phí đã thống nhất trong quy ước cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	Đạt		
II. KHUNG TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU					
1	Quy hoạch	1.1. Tổ chức triển khai và quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt	Đạt		
		1.2. Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt.	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Đường liên ấp đạt từ cấp B trở lên ($B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$, $B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa.	100%		
		b) Tỷ lệ đường liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng	$\geq 90\%$		
		c) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.2. Đường liên xóm, đường trục thôn, xóm đạt từ cấp đường C trở lên ($B_{\text{nền}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{mặt}} \geq 2\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa	100%		
		b) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.3. Đường ngõ xóm. Trong đó:	Đạt		
		a) Có 100% đường ngõ, xóm sạch, không lầy lội, giao thông thuận tiện đảm bảo đi lại vào mùa mưa	Đạt		
		b) Tỷ lệ km đường ngõ xóm được cứng hóa.	$\geq 80\%$		
		2.4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông	Đạt		
3	Cơ sở vật chất văn hóa	3.1. Nhà văn hóa			

		a) Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa trong khuôn viên Nhà văn hóa ấp tối thiểu là 25% (phần diện tích đất trồng của khuôn viên Nhà văn hóa ấp sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác).	Đạt		
		b) Có hàng rào (khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh).	Đạt		
		c) Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn (nhà vệ sinh, được lắp đặt các thiết bị hoàn chỉnh như: hệ thống nước sạch, máng rửa tay, vòi lấy nước,...).	Đạt		
		d) Thu hút người dân tham gia các hoạt động thường xuyên tại Nhà văn hóa ấp	40% dân số		
		đ) Hệ thống loa truyền thanh đảm bảo chuyển tải được thông tin hàng ngày đến các hộ gia đình trong Khu dân cư (ấp).	Có		
		3.2. Khu thể thao			
		a) Có một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt		
		b) Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.	$\geq 25\%$ dân số		
4	Nhà ở dân cư	4.1. Nhà tạm, nhà dột nát	Không		
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn quy định	$\geq 85\%$		
5	Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập và giảm nghèo	5.1. Tỷ lệ hộ có ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm hoặc sản xuất theo hướng hữu cơ và thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất.	≥ 70		
		5.2. Thu nhập bình quân đầu người tối thiểu phải bằng 1,5 lần so với thu nhập bình quân đầu người toàn xã/thị trấn tại thời điểm xét	Đạt		
		5.3. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội hoặc thiên tai do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo theo quy định)	$\leq 1\%$		

6	Giáo dục và đào tạo	6.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 THCS đạt tỷ lệ 100%.	100%		
			Đạt		
		6.3. Tỷ lệ lao động qua 6.2. Không có học sinh bỏ học; không có học sinh xếp loại học lực, hạnh kiểm yếu (đối với cấp học có xếp loại); không có học sinh vi phạm pháp luật đào tạo	$\geq 65\%$		
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế	$\geq 95\%$		
		7.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 15\%$		
8	Văn hóa	8.1. Khu dân cư (ấp) được công nhận và giữ vững danh hiệu “Ấp Văn hóa” liên tục 5 năm trở lên.	Đạt		
		8.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình Văn hóa	$\geq 90\%$		
		8.3. Tỷ lệ người dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%		
		8.4. Người dân ứng xử văn minh lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	Đạt		
9	Môi trường	9.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt chuẩn theo quy định	100% ($\geq 85\%$ nước sạch)		
		9.2. Tỷ lệ chất thải rắn (bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng) được thu gom và xử lý theo đúng quy định;	$\geq 90\%$		
		9.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.	$\geq 75\%$		

		9.4. Tỷ lệ số tuyến đường Khu dân cư (ấp) có rãnh thoát nước và trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	$\geq 60\%$		
		9.5. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, có sự tham gia của người dân.	Đạt		
		9.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 90\%$		
		9.7. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	100%		
10	Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội	10.1. Các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội ở Khu dân cư (ấp) cuối năm được đánh giá hoạt động từ vững mạnh (tốt) trở lên.	Đạt		
		10.2. Chi bộ Khu dân cư (ấp) đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	Đạt		
		10.3. Khu dân cư được công nhận đạt chuẩn “An toàn về ANTT” theo quy định.	Đạt		
		10.4. Có mô hình tự quản về an ninh, trật tự và hoạt động có hiệu quả.	Đạt		
11	Tham gia và chấp hành các quy định của ấp	11.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Khu dân cư (ấp).	100%		
		11.2. Người dân được tham gia, đóng góp ý kiến đối với những vấn đề chung trong xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu hoặc các vấn đề khác có liên quan	Đạt		

		11.3. Đóng nộp các khoản phí đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	Đạt		
III. KHUNG TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU					
1	Ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật	Có hệ thống tưới, tiêu khoa học và có ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến khác vào 01 trong các khâu: sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến	Đạt		
2	Định hướng sản xuất và chất lượng sản phẩm từ vườn mẫu	2.1. Sản phẩm, hàng hóa được đầu tư theo quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập trung vào những giống cây, con, sản phẩm chủ lực, thế mạnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao; sản xuất theo hướng sạch, an toàn gắn với việc phát triển tổ hợp tác hoặc hợp tác xã	Đạt		
		2.2. Có ít nhất 01 sản phẩm trong vườn mẫu có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	Đạt		
		2.3. Sản phẩm, hàng hóa làm ra phải đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt		
3	Cảnh quan - Môi trường	3.1. Có lối đi trong vườn, đảm bảo đi lại thuận tiện	Đạt		
		3.2. Các hoạt động sản xuất trong khu vực vườn mẫu phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm (đối với chuồng trại phải có sử dụng bể Biogas hoặc chế phẩm sinh học hoặc có các biện pháp xử lý khác để không gây ô nhiễm môi trường)	Đạt		
		3.3. Có hệ thống mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường	Đạt		
4	Thu nhập	Thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích đối với sản phẩm nông nghiệp (cây, con) trong vườn đạt gấp 4 lần trở lên so với thu nhập bình quân từ trồng lúa của toàn huyện/thị xã trong năm xét công nhận.	Đạt		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN.....
ẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/ Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn.....năm ...

I. Tóm tắt quá trình Trưởng ấp tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

Tổng số tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... do ấp tổ chức tự đánh giá đạt tính đến tháng....năm..... là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt%.

III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn ấp

- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của Trưởng ấp

-
-

Nơi nhận:

- UBND xã/thị trấn;
-;
-;
- Lưu:....

TRƯỞNG ẤP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN
ẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/Mô hình sản xuất kiểu mẫu đối với ấp/vườn.....năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện/thị xã, xã/thị trấn);

Căn cứ Báo cáo số/BC ngày/...../..... của Trưởng ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm và Báo cáo số/BC ngày/...../..... của Trưởng ấp tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã/thị trấn và nhân dân trong ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm....

Hôm nay, vào lúcgiờphút ngày/...../..... tại ấp..... (xã/thị trấn, huyện/thị xã....., tỉnh.....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Trưởng ấp báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn....năm...; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong xã/thị trấn về kết quả xây dựng Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn.....

-

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm..... là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc lúcgiờphút ngày/...../..... đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thànhbản có giá trị pháp lý như nhau: Trưởng ấp lưu..... bản để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, gửi UBND xã/thị trấnbản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu đối với ấp...../Vườn mẫu đối với mô hình....., ấp..... năm

.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện/thị xã);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND xã/thị trấn về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu ấp...../vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm.....;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND xã/thị trấn đề nghị xét, công nhận ấp/vườn đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm

UBND xã/thị trấn kính trình UBND huyện/thị xã thẩm định, xét, công nhận ấp/vườn..... đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo..... thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/ vườn năm..... (bản chính).

2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã/thị trấn tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/ vườn..... năm..... (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét, công nhận ấp/vườn..... đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm..... (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc xã/thị trấn về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã/thị trấn đối với việc công nhận ấp/vườn..... đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm....

(Kèm theo bộ hồ sơ của Trưởng ấp trình UBND xã/thị trấn thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/ Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện/thị xã);

Căn cứ đề nghị của Trưởng ấp..... tại Tờ trình số/TTr ngày/...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm....., UBND xã/thị trấn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm..... cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số..... về

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí% (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí% (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số..... về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... đã được UBND xã/thị trấn thẩm tra đạt chuẩn tính đến thời điểm thẩm tra là:/..... tiêu chí, đạt..... %.

III. KIẾN NGHỊ

.....

Nơi nhận:

- UBND huyện/thị xã;
-;
-;
- Lưu: VT,;

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI/ÁP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU/VƯỜN MẪU ĐỐI VỚI ÁP/VƯỜN..... NĂM....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của Ủy ban nhân dân xã/thị trấn)

Tùy theo đề nghị xét công nhận Áp nông thôn mới, Áp nông thôn mới kiểu mẫu hoặc Mô hình sản xuất kiểu mẫu mà bảng tổng hợp thể hiện tại mục I, II hoặc III

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu NTM	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã/thị trấn
I. KHUNG TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI					
1	Quy hoạch	1.1. Tổ chức triển khai và quản lý vận động nhân dân thực hiện xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt	Đạt		
		1.2. Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Đường liên ấp đạt từ cấp B trở lên ($B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$, $B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa.	70%		
		b) Tỷ lệ đường liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng	$\geq 90\%$		
		c) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.2. Đường liên xóm, đường trục thôn, xóm đạt từ cấp đường C trở lên ($B_{\text{nền}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{mặt}} \geq 2\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa	80%		
		b) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.3. Đường ngõ xóm. Trong đó:	Đạt		
		a) Có 100% đường ngõ, xóm sạch, không lầy lội, giao thông thuận tiện đảm bảo đi lại vào mùa mưa	Đạt		
		b) Tỷ lệ km đường ngõ xóm được cứng hóa.	$\geq 80\%$		

		2.4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng và vận động nhân dân tham gia bảo dưỡng các công trình giao thông trong ấp đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông	Đạt		
3	Cơ sở vật chất văn hóa	3.1. Nhà văn hóa			
		a) Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa trong khuôn viên Nhà văn hóa ấp tối thiểu là 25% (phần diện tích đất trống của khuôn viên Nhà văn hóa ấp (hoặc liên ấp) sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác). Có đèn chiếu sáng sân tập Thể dục, thể thao	Đạt		
		b) Có hàng rào (khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh).	Đạt		
		c) Các công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (như: nhà vệ sinh, nước sinh hoạt,...).	Đạt		
		d) Thu hút người dân tham gia các hoạt động thường xuyên tại Nhà văn hóa ấp	25% dân số		
		đ) Hệ thống loa truyền thanh của khu dân cư đảm bảo chuyển tải được thông tin hàng ngày đến các hộ gia đình trong Khu dân cư (ấp).	Có		
		3.2. Khu thể thao			
		a) Có dụng cụ thể dục, thể thao phù hợp với phong trào thể dục, thể thao quần chúng ở địa phương	Đạt		
		b) Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.	$\geq 30\%$ dân số		
4	Nhà ở dân cư	4.1. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo không còn khó khăn về nhà ở	Hộ nghèo 100% Cận nghèo $\geq 80\%$		
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn quy định	$\geq 80\%$		
5	Phát triển sản xuất nâng cao thu	5.1. Tỷ lệ hộ có ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm hoặc sản xuất theo hướng an toàn và thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất.	Đạt		
		a) Tỷ lệ hộ có ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm hoặc sản xuất theo hướng hữu cơ	$\geq 30\%$		

	nhập và giảm nghèo	b) Tỷ lệ hộ thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất	$\geq 70\%$		
		5.2. Thu nhập bình quân đầu người tối thiểu phải bằng mức thu nhập bình quân chung của xã/thị trấn và không được thấp hơn mức chuẩn thu nhập để xét “xã đạt chuẩn nông thôn mới” của tỉnh năm đó.	Đạt (Tối thiểu phải bằng mức thu nhập bình quân chung của xã/thị trấn và không được thấp hơn mức chuẩn thu nhập để xét “xã đạt chuẩn nông thôn mới” của tỉnh năm đó)		
		5.3. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội hoặc thiên tai do tại nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo theo quy định)	$\leq 4\%$		
6	Giáo dục và đào tạo	6.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 THCS đạt tỷ lệ 100%.	100%		
		6.2. Không có học sinh vi phạm pháp luật.	Đạt		
		6.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$\geq 65\%$		
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế	$\geq 90\%$		
		7.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 20,5\%$		
8	Văn hóa	8.1. Ấp được công nhận và giữ vững danh hiệu “Ấp Văn hóa” liên tục 3 năm trở lên.	Đạt (liên tục 3 năm trở lên)		
		8.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình Văn hóa	$\geq 90\%$		

		8.3. Tỷ lệ người dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương; hộ gia đình thực hiện tốt Quy ước của Khu dân cư (ấp) về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	100%		
		8.4. Người dân ứng xử văn minh lịch sự; giữ gìn đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, không bán hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	Đạt		
		8.5. Không có trường hợp hộ gia đình có người khuyết tật (dạng tâm thần) không thực hiện trách nhiệm bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật (dạng tâm thần) theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 8, chương I, Luật Người khuyết tật.	Đạt		
9	Môi trường	9.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt chuẩn theo quy định	95% ($\geq 65\%$ nước sạch)		
		9.2. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng bao bì thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trên địa bàn quy định theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT- BTNMT ngày 16/5/2016	Đạt		
		9.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt theo chỉ tiêu “Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt nông thôn” trong chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội hàng năm do UBND tỉnh giao”.	Đạt		
		9.4. Tỷ lệ số tuyến đường Khu dân cư (ấp) có rãnh thoát nước và trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	$\geq 60\%$		
		9.5. Có mô hình tự quản, bảo vệ môi trường (<i>hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng sáng, xanh, sạch, đẹp; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường</i>) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, có sự tham gia của người dân.	Đạt		

		9.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥70%		
		9.7. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi, trồng, thủy sản trên địa bàn (thực hiện xử lý rác thải, nước thải, khí thải; thu gom chất thải rắn) đạt tiêu chuẩn	100%		
10	Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội	10.1. Ban công tác Mặt trận và Các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội ở Khu dân cư (ấp) cuối năm được đánh giá hoạt động từ vững mạnh (tốt) trở lên.	Đạt		
		10.2. Chi bộ Khu dân cư (ấp) đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		
		10.3. Khu dân cư được công nhận đạt chuẩn “An toàn về ANTT” theo quy định.	Đạt		
		10.4. Có mô hình tự quản về an ninh, trật tự và hoạt động có hiệu quả.	Đạt		
11	Tham gia thực hiện các Quy ước và chấp hành các quy định của Khu dân cư (ấp)	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ gia đình bị thiên tai, người có hoàn cảnh khó khăn	100%		
		11.2. Người dân được tham gia góp ý kiến với những hành vi tham nhũng, lãng phí của cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt công tác hoà giải và đóng góp ý kiến đối với những vấn đề chung trong xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu hoặc các vấn đề khác có liên quan. Những kiến nghị, phản ánh của nhân dân được giải quyết kịp thời	Đạt		
		11.3. Đóng nộp các khoản phí đã thống nhất trong quy ước cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	Đạt		
II. KHUNG TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU					
1	Quy hoạch	1.1. Tổ chức triển khai và quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt	Đạt		
		1.2. Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt.	Đạt		

2	Giao thông	2.1. Đường liên ấp đạt từ cấp B trở lên (Bền $\geq 4\text{m}$, Bmặt $\geq 3\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa.	100%		
		b) Tỷ lệ đường liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng	$\geq 90\%$		
		c) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.2. Đường liên xóm, đường trục thôn, xóm đạt từ cấp đường C trở lên (Bền $\geq 3\text{m}$, Bmặt $\geq 2\text{m}$). Trong đó:	Đạt		
		a) Tỷ lệ km mặt đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa	100%		
		b) Có đầy đủ biển báo giao thông (biển tải trọng, biển chỉ dẫn...)	Đạt		
		2.3. Đường ngõ xóm. Trong đó:	Đạt		
		a) Có 100% đường ngõ, xóm sạch, không lầy lội, giao thông thuận tiện đảm bảo đi lại vào mùa mưa	Đạt		
		b) Tỷ lệ km đường ngõ xóm được cứng hóa.	$\geq 80\%$		
		2.4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông	Đạt		
3	Cơ sở vật chất văn hóa	3.1. Nhà văn hóa			
		a) Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa trong khuôn viên Nhà văn hóa ấp tối thiểu là 25% (phần diện tích đất trống của khuôn viên Nhà văn hóa ấp sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác).	Đạt		
		b) Có hàng rào (khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh).	Đạt		
		c) Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn (nhà vệ sinh, được lắp đặt các thiết bị hoàn chỉnh như: hệ thống nước sạch, máng rửa tay, vòi lấy nước,...).	Đạt		
		d) Thu hút người dân tham gia các hoạt động thường xuyên tại Nhà văn hóa ấp	40% dân số		

		đ) Hệ thống loa truyền thanh đảm bảo chuyên tải được thông tin hàng ngày đến các hộ gia đình trong Khu dân cư (ấp).	Có		
		3.2. Khu thể thao			
		a) Có một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt		
		b) Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.	$\geq 25\%$ dân số		
4	Nhà ở dân cư	4.1. Nhà tạm, nhà dột nát	Không		
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn quy định	$\geq 85\%$		
5	Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập và giảm nghèo	5.1. Tỷ lệ hộ có ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm hoặc sản xuất theo hướng hữu cơ và thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất.	≥ 70		
		5.2. Thu nhập bình quân đầu người tối thiểu phải bằng 1,5 lần so với thu nhập bình quân đầu người toàn xã/thị trấn tại thời điểm xét	Đạt		
		5.3. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội hoặc thiên tai do tại nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo theo quy định)	$\leq 1\%$		
6	Giáo dục và đào tạo	6.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 THCS đạt tỷ lệ 100%.	100%		
		6.2. Không có học sinh bỏ học; không có học sinh xếp loại học lực, hạnh kiểm yếu (đối với cấp học có xếp loại); không có học sinh vi phạm pháp luật.	Đạt		
		6.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$\geq 65\%$		
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế	$\geq 95\%$		
		7.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 15\%$		

8	Văn hóa	8.1. Khu dân cư (ấp) được công nhận và giữ vững danh hiệu “Ấp Văn hóa” liên tục 5 năm trở lên.	Đạt		
		8.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình Văn hóa	$\geq 90\%$		
		8.3. Tỷ lệ người dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%		
		8.4. Người dân ứng xử văn minh lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	Đạt		
9	Môi trường	9.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt chuẩn theo quy định	100% ($\geq 85\%$ nước sạch)		
		9.2. Tỷ lệ chất thải rắn (bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng) được thu gom và xử lý theo đúng quy định;	$\geq 90\%$		
		9.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.	$\geq 75\%$		
		9.4. Tỷ lệ số tuyến đường Khu dân cư (ấp) có rãnh thoát nước và trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	$\geq 60\%$		
		9.5. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, có sự tham gia của người dân.	Đạt		
		9.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 90\%$		
		9.7. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	100%		

10	Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội	10.1. Các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội ở Khu dân cư (ấp) cuối năm được đánh giá hoạt động từ vững mạnh (tốt) trở lên.	Đạt		
		10.2. Chi bộ Khu dân cư (ấp) đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	Đạt		
		10.3. Khu dân cư được công nhận đạt chuẩn “An toàn về ANTT” theo quy định.	Đạt		
		10.4. Có mô hình tự quản về an ninh, trật tự và hoạt động có hiệu quả.	Đạt		
11	Tham gia và chấp hành các quy định của ấp	11.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Khu dân cư (ấp).	100%		
		11.2. Người dân được tham gia, đóng góp ý kiến đối với những vấn đề chung trong xây dựng Khu dân cư (ấp) nông thôn mới kiểu mẫu hoặc các vấn đề khác có liên quan	Đạt		
		11.3. Đóng nộp các khoản phí đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	Đạt		

III. KHUNG TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU

1	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	Có hệ thống tưới, tiêu khoa học và có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến khác vào 01 trong các khâu: sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến	Đạt		
2	Định hướng sản xuất và chất lượng sản phẩm từ vườn mẫu	2.1. Sản phẩm, hàng hóa được đầu tư theo quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập trung vào những giống cây, con, sản phẩm chủ lực, thể mạnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao; sản xuất theo hướng sạch, an toàn gắn với việc phát triển tổ hợp tác hoặc hợp tác xã	Đạt		
		2.2. Có ít nhất 01 sản phẩm trong vườn mẫu có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	Đạt		

		2.3. Sản phẩm, hàng hóa làm ra phải đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt		
3	Cảnh quan - Môi trường	3.1. Có lối đi trong vườn, đảm bảo đi lại thuận tiện	Đạt		
		3.2. Các hoạt động sản xuất trong khu vực vườn mẫu phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm (đối với chuồng trại phải có sử dụng bể Biogas hoặc chế phẩm sinh học hoặc có các biện pháp xử lý khác để không gây ô nhiễm môi trường)	Đạt		
		3.3. Có hệ thống mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường	Đạt		
4	Thu nhập	Thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích đối với sản phẩm nông nghiệp (cây, con) trong vườn đạt gấp 4 lần trở lên so với thu nhập bình quân từ trồng lúa của toàn huyện/thị xã trong năm xét công nhận.	Đạt		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã/thị trấn tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn năm

.....

I. Tóm tắt quá trình UBND xã/thị trấn tổ chức lấy ý kiến tham gia

-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã/thị trấn

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của Trưởng các ấp trên địa bàn xã/thị trấn

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã/thị trấn (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến, tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã/thị trấn

-

TM. UBND.....

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- UBND huyện/thị xã

- Lưu: VT....

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/THỊ TRẤN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận ấp/vườn đạt chuẩn Ấp nông thôn
mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện/thị xã);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20... của UBND xã/thị trấn về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm..... và Báo cáo ngày/...../ của UBND xã/thị trấn về việc tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã/thị trấn tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với ấp/vườn..... năm

Hôm nay, vào lúcgiờphút ngày/...../..... tại....., UBND xã/thị trấn (huyện/thị xã ... tỉnh.....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác -
Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác -
Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã/thị trấn trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí và Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu của ấp/vườn..... năm....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã/thị trấn trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã/thị trấn đối với việc công nhận ấp/vườn..... đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận ấp/vườn..... đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận ấp/vườn..... đạt chuẩn Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm..... là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc lúcgiờphút ngày/...../..... đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí..... %,

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã/thị trấn lưu bản để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận Ấp nông thôn mới/Ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, gửi UBND huyện/thị xãbản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

<p>(Quốc huy) (1)</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)</p> <p>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>-----</p>	
<p>CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ XÃ (3)</p> <p>CÔNG NHẬN (4)</p>	
<p>Ấp....., xã/thị trấn, huyện/thị xã, tỉnh Vĩnh Long (5)</p> <p>Đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm (6)</p> <p>(hoặc)</p> <p>Vườn..... ấp....., xã/thị trấn huyện/thị xã..... tỉnh</p> <p>Vĩnh Long (5)</p> <p>Đạt chuẩn vườn mẫu năm (6)</p>	
<p>Quyết định số:/QĐ-UBND ngày .../.../20... (7)</p> <p>Vào sổ số:/QĐ-UBND (8)</p>	<p>....., ngày....tháng.... năm 20...</p> <p>CHỦ TỊCH</p>
<p>Nguyễn Văn A (9)</p>	

Yêu cầu:

1. Kích thước:

Chiều dài: 360 mm, chiều rộng: 270 mm.

- Hoa văn bên trong: chiều dài 290 mm, chiều rộng 210 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu

+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).

+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen).

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (chữ in, màu đỏ).
- Dòng 4: Công nhận (chữ in, màu đen).
- Dòng 5: Tên ấp/mô hình (Chữ thường, màu đỏ)
- Dòng 6: Đạt chuẩn kiểu mẫu năm..... (Chữ thường, màu đen)

Khoảng trống

- Dòng 7:
 - + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (Chữ thường, màu đen)
 - + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (Chữ thường, màu đen)
- Dòng 8:
 - + Bên trái: Số sổ vàng (Chữ thường, màu đen).
 - + Bên phải: Thẩm quyền ký (Chữ in, màu đen)

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (Chữ thường, màu đen)
- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.